

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi

con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thanh Bắc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Cường và ông Lò Văn Yêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

2/ Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn B về chung sống với nhau từ năm 2013 đến ngày 21/05/2015 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh B là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau. Đặc biệt là anh B chơi bời, sử dụng chất ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B không thay

đôi. Mỗi lần vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau anh B còn đánh chửi chị. Sau đó đầu năm 2020 thì chị và anh B sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân, khoảng năm 2022 thì anh B vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt tù, sau thời gian chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, đến đầu năm 2024 chị thương con nên cho anh B thêm cơ hội và quay về chung sống cùng anh B được khoảng gần một tháng thì anh B vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi nên chị lại tiếp tục sống ly thân với anh B từ đó cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh B, chị nhận thấy hôn nhân giữa hai vợ chồng không có hạnh phúc, đã thực sự trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

- Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn B có 01 con chung là Hoàng Dương N, sinh ngày 22/06/2014 sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi con theo nguyện vọng, chị không yêu cầu anh Hoàng Văn B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hoàng Văn B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh cố tình không đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn với chị Lò Thị P. Theo biên bản xác minh tại Công an xã M, anh Hoàng Văn B mới bị tai nạn và điều trị tại nhà nhưng thi thoảng vẫn đi làm thuê, khi đi khỏi địa phương và khi trở về anh Hoàng Văn B cũng không khai báo cho Công an xã M.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị P và xem xét quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

- Về con chung: Giao con chung Hoàng Dương N, sinh ngày 22/06/2014 cho chị Lò Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lò Thị P không yêu cầu nên không xem xét.

- Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lò Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lò Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Xác định bị đơn anh Hoàng Văn B có nơi cư trú tại bản H, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị Lò Thị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ngày 30/12/2024, Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2024, tuy nhiên bị đơn anh Hoàng Văn B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 16/01/2025. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P và anh Hoàng Văn B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2013 và đến ngày 21/5/2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2015, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 21/5/2015 của UBND xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu, chứng nhận kết hôn giữa Hoàng Văn B và Lò Thị P, thể hiện anh Hoàng Văn B, sinh ngày 02/4/1995; tuy nhiên tại Xác nhận thông tin nơi cư trú số: 1021/XN ngày 01/10/2024 của Công an xã M thể hiện anh Hoàng Văn B, sinh ngày 11/7/1995; tại Giấy chứng minh nhân dân số 0452080012, cấp ngày 31/8/2015 mang tên Hoàng Văn B, thể hiện anh Hoàng Văn B, sinh ngày 11/7/1996; tại Sổ hộ khẩu số 36059144 mang tên chủ hộ Hoàng Văn K, thể hiện anh Hoàng Văn B, sinh năm 1996 (có sửa chữa và đóng dấu). Ngày 02/12/2024 Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã M, xác định: Anh Hoàng Văn B, sinh ngày 02/4/1995 và anh Hoàng Văn B, sinh ngày 11/7/1995 là một người. Qua kiểm tra tại sổ đăng ký khai sinh của UBND xã M thì anh Hoàng Văn B chưa thực hiện việc đăng ký khai sinh, do đó không xác định được ngày sinh, tháng sinh của anh B, qua các thủ tục hành chính tại địa phương, xác định anh Hoàng Văn B có năm sinh là 1995. Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định anh Hoàng Văn B, sinh ngày 01/01/1995. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh B, chị P đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Kể từ khi về chung sống với nhau năm 2013 chị P và anh B hạnh phúc được 06 năm, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh B sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ngập ma túy, sau đó anh chị sống ly thân nhau từ năm 2020, trong thời gian ly thân, anh B vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt bằng hình phạt tù, đến khi anh B chấp hành xong hình phạt trở về địa phương năm 2024 thì chị P vẫn cho anh B cơ hội, tiếp tục về chung sống để vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm và nuôi dạy con nhưng sau đó anh B không thay đổi bản thân. Xét thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị P và anh B kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, giữa chị P và anh B không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Đặc biệt chị P không còn tình cảm yêu thương đối với anh B, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh B. Ủy ban nhân dân xã M cũng đã xác định giữa anh B và chị P có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị P và anh B đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị P và anh Hoàng Văn B có 01 con chung là Hoàng Dương N, sinh ngày 22/06/2014. Chị Lò Thị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ sau khi chị P và anh B sống ly thân thì con chung đều ở với chị P và ông bà ngoại. Bản thân chị P khai hiện chị đang làm nông nghiệp kết hợp với làm tự do, thu nhập ổn định từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng mỗi tháng. Đối với anh Hoàng Văn B, bản thân có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, môi trường, hoàn cảnh sống của anh B không lành mạnh có thể ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của con. Đặc biệt là nguyện vọng của cháu N là muốn được ở cùng với mẹ. Như vậy nguyện vọng của cháu N cũng phù hợp với nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con của chị P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung Hoàng Dương N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị P không yêu cầu anh Hoàng Văn B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lò Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Dương N, sinh ngày 22/06/2014 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung Hoàng Dương N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị P không yêu cầu anh Hoàng Văn B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lò Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Lò Thị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000941 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thanh Bắc